TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2018/QĐST-HNGĐ	*Cai Lậy, ngày 03 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN ĐÔNGẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA ĐÔNGẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 401/2016/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2016, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền về phần tài sản của ông T: Bà Huỳnh Kiến Cát P, sinh năm 1978, địa chỉ: Số 101[c], ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 12 năm 2016).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Hoàng Nh, sinh năm 1987;

2. Anh Lê Đức Th, sinh năm 1988;

3. Chị Lê Thị Thúy X, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T

Căn cứ các điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lê Hoàng T.

2. Công nhân sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Lê Hoàng Nh, anh Lê Đức Th và chị Lê Thị Thúy X tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông T, bà N trả công sức quản lý đất, làm nhà và trồng cây, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về con chung: Có ba người con tên Lê Hoàng Nh, sinh năm 1987, Lê Đức Th, sinh năm 1988 và Lê Thị Thúy X, sinh năm 1992. Đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết N thửa đất số 61, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.466m^2 (thửa mới một phần thửa 22, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.460,2 m^2); 01 căn nhà mái tole, nền xi măng, cột bê tông đúc sẵn, vách tường + xi măng quy cách, đòn tay gỗ, diện tích 44,4m^2 và toàn bộ cây trồng trên đất, tọa lạc tại ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh T, đất do ông Lê Hoàng T đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng (có sơ đồ kèm theo). Hiện do bà N đang quản lý, sử dụng.

+ Chia cho ông Lê Hoàng T thửa đất số 57, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.005m^2; 01 căn nhà mái tole, 5/6 nền gạch ceramic và 1/6 nền gạch tàu trát mạch có lót vữa, cột bê tông cốt thép, vách tường tô có quét vôi, kèo gỗ quy cách, có khu phụ, diện tích 103,6m^2 và toàn bộ cây trồng trên đất, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T, đất do ông Lê Hoàng T đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng (có sơ đồ kèm theo). Bà N, anh Nh, anh Th và chị X thực hiện việc giao nhà, đất và toàn bộ cây trồng trên đất cho ông Đông vào ngày 10/9/2018.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết N chịu 100.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 21.960.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà N đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 13759 ngày 07/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy bà N phải nộp tiếp 21.860.000 đồng.

Ông Lê Hoàng T chịu 10.060.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T đã nộp 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 13942 ngày 22/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy ông T phải nộp tiếp 8.060.000 đồng.

Hoàn trả cho anh Lê Hoàng Nh, anh Lê Đức Th và chị Lê Thị Thúy X 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 14471 ngày 31/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Đôngận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Cai lậy;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Công Vĩnh Đức